TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2017/HSST
Ngày 06-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Ngọc Thương
Ông Vũ Xuân Miện
- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2017/HSST-QĐXX ngày 22 tháng 6 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn H (Tên gọi khác: không), sinh năm 1982 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: đường P, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Đường A, phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Trương Văn L (Chết) và bà Lê Thị Ngọc S; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ ngày 16 tháng 01 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt).

2. Nguyễn Thị Thúy H (Tên gọi khác: không), sinh năm 1987 tại Vĩnh Long; nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở: Đường A, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Cẩm V; chung sống như vợ chồng với Trương Văn H; có một con chung sinh năm 2012; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ ngày 16 tháng 01 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt).

3. Nguyễn Văn U (Tên gọi khác: không), sinh năm 1957 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: đường T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề

nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T (Chết) và bà Phạm Thị B (chết); vợ: Huỳnh Thị Bích C; có hai con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1989; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ ngày 16 tháng 01 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Thủ A, sinh năm 1985; nơi ở: Đường A, phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Phạm Bá Q, sinh năm 1975; nơi ở: Chung cư B, Phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

3. Thân Việt Đ, sinh năm 1988; nơi ở: đường A , phường D, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

4. Vũ Đình L, sinh năm 1980; nơi ở: đường X, Phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

5. Phạm Văn H, sinh năm 1985; nơi ở: đường Y, Phường E, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Phạm Đức T, sinh năm 1975, nơi ở: đường C, phường F, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1958; nơi ở: đường P, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 17-12-2016 đến ngày 15-01-2017, Trương Văn H thực hiện 05 vụ trộm cắp, trong đó Nguyễn Thị Thúy H tham gia cùng H thực hiện 03 vụ trộm cắp. Các vụ cụ thể :

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17-12-2016, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Hazate biển số 55P2-0322 đi trộm cắp tài sản. H thấy xe ô tô hiệu Mercedes C250 biển số 51F1-075.82 của anh Nguyễn Thủ A đậu tại bãi xe khách sạn Cao Su số 108 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu không có người trông coi nên H lén lút dùng tay bẻ lấy bộ gương chiếu hậu (trái và phải) của xe ô tô bỏ vào ba lô. H mang lên thành phố Hồ Chí Minh bán cho Nguyễn Văn U với giá 1.400.000 đồng. U biết rõ tài sản trên là do H trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua. U bán lại cho M (chưa xác định được nhân thân) với giá 3.400.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào trưa ngày 01-01-2017, H điều khiển xe mô tô đến trước số nhà X đường Y, phường 3, thành phố Vũng Tàu, thấy xe ô tô nhãn hiệu Huyndai I10 biển số 72A- 174.38 của anh Phạm Bá Q không người trông coi nên H tiếp cận dùng tay bẻ bộ gương chiếu hậu (trái và phải) bỏ vào ba lô. H mang lên khu vực chợ Dân Sinh, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào trưa ngày 04-01-2017, H điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thị Thúy H đi trộm cắp tài sản. Khi đến số nhà A Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Huyndai I10 biển số 79A-089.10 của anh Thân Việt Đ đậu trước nhà không người trông coi, H dừng xe cho Nguyễn Thị Thúy H đứng ngoài cảnh giới rồi tiếp cận dùng tay bẻ lấy bộ gương chiếu hậu (trái và phải) bỏ vào ba lô. H mang lên khu vực chợ Dân Sinh, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 1.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào tối ngày 14-01-2017, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Hazate biển số 55P2-0322 chở Nguyễn Thị Thúy H đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến hẻm D đường X, phường H, thành phố Vũng Tàu phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 72A-103.42 của anh Vũ Đình L đậu phía ngoài không người trông coi, H dừng xe cho Nguyễn Thị Thúy H đứng ngoài cảnh giới rồi dùng tay bẻ bộ gương chiếu hậu (trái và phải) bỏ vào ba lô. H và Nguyễn Thị Thúy H mang tài sản về cất giấu tại phòng trọ. Ngày 16-01-2017, Công an thành phố Vũng Tàu kiểm tra phát hiện thu giữ.

Vụ thứ năm: Vào tối ngày 15-01-2017, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Hazate biển số 55P2-0322 chở Nguyễn Thị Thúy H đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước số nhà C đường B, phường H, thành phố Vũng Tàu phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Kia Rondo biển số 72A-180.28 của anh Phạm Văn H đậu trước nhà không người trông coi, H dừng xe cho Nguyễn Thị Thúy H đứng ngoài cảnh giới rồi tiếp cận dùng tay bẻ bộ gương chiếu hậu (trái và phải) bỏ vào ba lô. H và Nguyễn Thị Thúy H mang tài sản về cất giấu tại phòng trọ. Ngày 16-01-2017, Công an thành phố Vũng Tàu kiểm tra phát hiện thu giữ.

Biên bản xác định giá trị tài sản số 83/BB-PTCKH ngày 26-04-2017 của Hội đồng định giá xác định:

- Gương chiếu hậu xe ô tô Mercedes – Benz - C250 (02 cái), biển số 51F1-075.82 trị giá 71.000.000 đồng;
- Gương chiếu hậu xe ô tô Huyndai I10 (02 cái), biển số 72A- 174.38 trị giá 10.440.000 đồng;
- Gương chiếu hậu xe ô tô Huyndai I10 (02 cái), biển số 79A-089.10 trị giá 9.840.000 đồng;
- Gương chiếu hậu xe ô tô Toyota Fortuner (02 cái), biển số 72A-103.42 trị giá 11.310.000 đồng;
- Gương chiếu hậu xe ô tô Kia Rondo (02 cái), biển số 72A -180.28 trị giá 7.430.000 đồng.

Kết luận giám định kỹ thuật hình sự số 26/PC54-Đ3 ngày 10-02-2017 xác định:

- Vết nứt gãy trên trụ kim loại trong lõi gương chiếu hậu bên trái (thu giữ trong phòng của H – Nguyễn Thị Thúy H) với vết nứt gãy trên trụ kim loại trong chân gương bên trái xe ô tô biển số 72A-180.28 trùng khớp với nhau;
- Vết nứt gãy trên trụ kim loại trong lõi gương chiếu hậu bên phải (thu giữ trong phòng của H – Nguyễn Thị Thúy H) với vết nứt gãy trên trụ kim loại trong chân gương bên phải xe ô tô biển số 72A-180.28 trùng khớp với nhau;

- Các dây điện màu trắng, vàng, xanh trong gương chiếu hậu bên trái, bên phải (thu giữ trong phòng trọ của H và Nguyễn Thị Thúy H); các dây điện màu trắng, vàng, xanh trong chân gương được gắn trên thân xe bên trái và phải có cùng kích thước đường kính, có cùng ký hiệu trên thân dây.

Bản cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 28-05-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Trương Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a,b,e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Thị Thúy H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Văn U về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trương Văn H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a,b,e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, Nguyễn Thị Thúy H đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Nguyễn Văn U đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b,e khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138, điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H từ 24 đến 30 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo U từ 24 đến 30 tháng tù.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh ; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo xác định đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và luận tội mà Viện kiểm sát nêu. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định kỹ thuật và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét thấy, trong khoảng thời gian từ ngày 17-12-2016 đến ngày 15-01-2017, trên địa bàn thành phố Vũng Tàu; các bị cáo H và H đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện nhiều vụ trộm cắp gương chiếu hậu các xe ô tô của những người bị hại. Các bị cáo đã nhiều lần cùng trộm cắp gương xe ô tô nên hiểu rõ ý nhau, có sự câu kết chặt chẽ, chỉ chọn sơ hở của người có tài sản xe ô tô nhưng không trông coi để dễ dàng chiếm đoạt tài sản, có sự phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo. Trong đó bị cáo H là người khởi xướng, chở Nguyễn Thị Thúy H đi trộm cắp, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, đưa tài sản đi tiêu thụ. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H là đồng phạm giúp sức, cảnh giới cho H, sử dụng xe gắn máy hỗ trợ tẩu thoát. Nên hành vi các bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H thực hiện thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Bị cáo H thực hiện 05 vụ trộm cắp, tài sản bị chiếm đoạt trong mỗi vụ đều trị giá trên 2.000.000 đ, chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 110.020.000 đồng. Bị cáo H không có nghề nghiệp, đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Vì vậy, hành vi bị cáo H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao với các tình tiết định khung hình phạt: phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000 đ.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H cùng bị cáo H thực hiện 03 vụ trộm cắp, tài sản bị chiếm đoạt trong ba vụ đều trị giá trên 2.000.000 đ, chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 28.580.000 đồng. Vì vậy, hành vi bị cáo Nguyễn Thị Thúy H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo U không có sự thỏa thuận hứa hẹn gì trước với các bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H nhưng biết rõ các kính chiếu hậu xe ô tô H bán cho mình là tài sản có nguồn gốc do trộm cắp mà có nhưng bị cáo U vẫn mua để bán lại nhằm thu lợi bất chính. Tài sản 02 gương chiếu H xe ô tô Mercedes – Benz - C250 biển số 51F1-075.82 trị giá 71.000.000 đồng. Bị cáo U thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ. Căn cứ hướng dẫn tại Mục 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09 ngày 30/11/2011 của các cơ quan chức năng hướng dẫn về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " thì hành vi bị cáo U thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (tài sản phạm pháp có giá trị lớn từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000 đ).

So sánh thấy tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất nhẹ hơn so với tội "

Trộm cắp tài sản ” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù đến 20 năm so với hình phạt tù chung thân). Nên áp dụng Nghị quyết 144/QH13 ngày 29-06-2016 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H .

So sánh thấy tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt tối đa nặng hơn tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ” theo Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm so với hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm), không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, HĐXX quyết định vẫn áp dụng Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo U.

[3] Xét tính chất, mức độ, H quả do hành vi phạm tội các bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H đã gây ra là nguy hiểm cho xã h ội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo U không chỉ trực tiếp xâm hại trật tự công cộng mà còn tiếp tay cho những người phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần x ử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H và U có nhân thân đã bị xử phạt hình sự. Bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại Mục 5.2 – Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên các bị cáo đều thành khẩn khai báo , ăn năn hối c ải; bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và H tự thú về hành vi phạm tội trước đó, tác động gia đình tự nguyện nộp 10.000.000 đ để bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H có một con còn nhỏ phải nhờ bà ngoại nuôi dưỡng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo H một phần mức án dưới khung hình phạt theo Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Xem xét giảm cho các bị cáo H (áp dụng điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999) và U một phần hình phạt (áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Những người bị hại Vũ Đình L, Phạm Văn H xác định đã nhận lại tài sản bị mất; không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Người bị hại Nguyễn Thủ A xác định anh Phạm Đức T đã bồi thường trước số tiền 20.000.000 đ; yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền còn lại 51.000.000 đ.

- Người bị hại Phạm Bá Q yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 13.000.000 đ.

- Người bị hại Thân Việt Đ yêu cầu các bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H bồi thường tài sản bị mất theo quy định pháp luật (tài sản định giá là 9.840.000 đ).

- Người liên quan Phạm Đức T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 20.000.000 đ (là khoản tiền đã bồi thường trước cho anh Nguyễn Thủ A).

- Người liên quan bà Lê Thị Ngọc S (mẹ bị cáo H) đã nộp số tiền 10.000.000 đ thay cho bị cáo H và Nguyễn Thị Thúy H để bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại. Bà S không yêu cầu H và Nguyễn Thị Thúy H trả lại khoản tiền này nên HĐXX không xem xét.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và U tự nguyện bồi thường tài sản bị mất cho các đương sự trong vụ án theo yêu cầu.

Xét yêu cầu của những người bị hại, người liên quan có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và các đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 kìm bấm, 01 giỏ xách màu xanh trắng đã cũ, các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Hazate biển số 55P2 – 0322 (kèm 01 giấy đăng ký xe biển số 55P2 – 0322 đứng tên Nguyễn Văn H); bị cáo khai nhận xe mua lại nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu trên Báo Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 10-04-2017, đến thời điểm hiện tại không có ai tranh chấp, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo U thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ, nên buộc bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí : Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo H và H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn H, Nguyễn Thị Thúy H phạm tội: "Trộm cắp tài sản" ; bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Áp dụng: Điểm a,b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Trương Văn H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 01 năm 2017.

3. Áp dụng : Điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Nguyễn Thị Thúy H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 01 năm 2017.

4. Áp dụng : Điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt Nguyễn Văn U 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 01 năm 2017.

5. Trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Bị cáo Trương Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Thủ A 51.000.000 đ (năm mươi mốt triệu đồng), bồi thường cho anh Phạm Bá Q 13.000.000 đ (mười ba triệu đồng), bồi thường cho anh Thân Việt Đ 4.920.000 đ (bốn triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng), bồi thường cho anh Phạm Đức T 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Thân Việt Đ 4.920.000 đ (bốn triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

- Số tiền 10.000.000 đ (bà Lê Thị Ngọc S đã nộp), Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu đang quản lý theo Biên lai thu tiền số 0008234 ngày 06-07-2017 để bồi thường cho những người bị hại trong giai đoạn thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

- Tịch thu tiêu hủy 01 kìm bấm, 01 giỏ xách màu xanh trắng đã cũ;
- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu hiệu Yamaha Hazate biển số 55P2 – 0322 (kèm 01 giấy đăng ký xe biển số 55P2 – 0322 đứng tên Nguyễn Văn Hùng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 135/BB.THA ngày 06-07-2017.

7. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; buộc bị cáo Nguyễn Văn U phải nộp 2.000.000 đ (hai triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

8. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Trương Văn H phải nộp 4.446.000 đ (bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 300. 000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.